

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/DS - PT

Ngày: 11/6/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phương

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Phương Lan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 02/2020/TLPT - DS ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 194/2019/DS - ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐPT - DS ngày 20/02/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2020/QĐ - PT ngày 22/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1966 (có mặt).

Địa chỉ: khu vực B, phường T, thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Hồ Quốc T - Văn phòng luật sư Y, Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Bùi Văn H, sinh năm: 1951.

2.2. Bà Bùi Thị Cẩm V, sinh năm: 1979.

2.3. Bà Phạm Thị D (Nguyễn Thị D), sinh năm: 1955.

2.4. Bà Lê Thị T (A), sinh năm: 1979.

2.5. Bà Bùi Thị Cẩm P, sinh năm: 1982.

Cùng địa chỉ: khu vực C, phường A, thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp (theo văn bản ủy quyền ngày 21/5/2020) của bị đơn Bùi Văn H, Bùi Thị Cẩm V, Phạm Thị D (Nguyễn Thị D), Lê Thị T (A), Bùi Thị Cẩm P: Ông Trần Lâm S, sinh năm: 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Số 99, Đồng Văn Cống, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N; Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Bùi Văn H, Bùi Thị Cẩm V, Phạm Thị D (Nguyễn Thị D), Lê Thị T (A), Bùi Thị Cẩm P: Ông Trần Lâm S;

NỘI D VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Vào ngày 19/6/2016 (âm lịch) bà có cho bà Bùi Thị Cẩm V, ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị Cẩm P vay 150.000.000 đồng, đến ngày 20/6/2016 bà V, ông H, bà P vay thêm 50.000.000 đồng. Tổng cộng là 200.000.000 đồng, ông H là người trực tiếp nhận tiền, việc vay nợ bà V, ông H, bà P có viết biên nhận nợ cho bà. Lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, không thỏa thuận thời gian thanh toán, đến ngày 06/8/2016 bà V, bà P, ông H đã đóng lãi được 4.700.000 đồng và đã trả được 100.000.000 đồng tiền vốn.

Ngày 06/8/2016 (âm lịch) ông Bùi Văn H, bà Nguyễn Thị D (vợ ông H), bà Bùi Thị Cẩm V (con ông H), bà Bùi Thị Cẩm P (con ông H), bà Lê Thị A (dâu ông H) vay thêm 400.000.000 đồng số tiền này bà giao trực tiếp cho ông H, bà V. Ông H bà V có viết biên nhận nợ và có bà D, bà P, bà A ký tên vào biên nhận. Lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, đến ngày 27/8/2016 đóng lãi được 500.000 đồng. Khi vay ông H, bà D, bà V, bà P, bà A có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo trả nợ cho bà bao gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02466 cấp ngày 07/5/2012 do ông Bùi Văn H đứng tên và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01586 cấp ngày 02/10/2008 do ông Bùi Văn H đứng tên. Cùng ngày 06/8/2016 (âm lịch) ông H, bà V có viết tờ cam kết trả nợ cho bà với số tiền vay ngày 19/6/2016 âm lịch 100.000.000 đồng và ngày 06/8/2016 số tiền 400.000.000 đồng, tổng cộng là 500.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bị đơn ông Bùi Văn H, bà Nguyễn Thị D, bà Bùi Thị Cẩm V, bà Bùi Thị Cẩm P, bà Lê Thị A (T) trả 500.000.000 đồng vốn và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 06/8/2016 (âm lịch) tức ngày 06/9/2016 dương lịch, bà đồng ý trừ lại số tiền lãi bị đơn đã đóng 5.200.000 đồng.

Tại văn bản ngày 23/01/2019 quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Bùi Văn H, Bùi Thị Cẩm V, Bùi Thị P, Phạm Thị D, Lê Thị T (A) ông Trần Lâm S trình bày: Trước ngày 19/6/2016 (âm lịch) bà V có hỏi vay tiền của bà N, đến ngày 19/6/2016 (âm lịch) bị đơn Bùi Thị Cẩm V có làm biên nhận vay của bà N số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày không thỏa thuận thời hạn thanh toán, khi vay bà V có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà V đứng tên và sổ hộ khẩu do ông Hùng chồng bà V đứng chủ hộ. Mặc dù biên nhận có ông H, bà P ký tên, nhưng ông H, bà P chỉ ký với tư cách người làm chứng, số tiền này do bà V trực tiếp nhận. Đến ngày 20/7/2016 (âm lịch) bà V vay thêm của bà N 50.000.000 đồng. Tổng cộng là 200.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, không thỏa thuận thời gian thanh toán.

Phần nợ 200.000.000 đồng này, bà V đã trả được 50.000.000 đồng còn lại 50.000.000 đồng chuyển nợ sang cho ông H. Hai bên ngồi tính toán nợ lại, thì bà V và bà N thống nhất sẽ cho bà V nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà V đứng tên và sổ hộ khẩu do ông Hùng đứng chủ hộ, ngược lại bà V sẽ giao 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Bùi Văn H đứng tên thế chấp cho bà N. Lúc đó bà N yêu cầu ông H ký tên đồng ý thế chấp và bà P ký tên với tư cách người làm chứng, bà P không có vay nợ của bà N. Phần nợ này bà V còn nợ lại bà N là 100.000.000 đồng tiền vốn, ông H nợ 50.000.000 đồng tiền vốn.

Cùng với việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, thì bà V vay thêm của bà N 150.000.000 đồng, nhưng bà V đã nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ghi tên ông H đứng vay, cộng với số tiền 50.000.000 đồng tiền nợ bà V chuyển qua cho ông H, thì ông H nợ bà N là 200.000.000 đồng. Như vậy tổng cộng ông H, bà V còn nợ bà N là 300.000.000 đồng tiền vốn.

Trong biên nhận ngày 06/8/2016 (âm lịch) ông thừa nhận bà V có vay thêm 50.000.000 đồng, như vậy tổng cộng số nợ bà V vay của bà N là 350.000.000 đồng. Việc vay nợ chỉ có bà V vay của bà N, còn ông H ký tên là đồng ý thế chấp giấy chứng nhận của hộ gia đình do ông đứng tên để cho bà V vay. Bà D, A, P ký tên với

tư cách là những người có tên trong hộ gia đình theo yêu cầu của bà N thì bà N mới cho bà V vay chứ không có nhận tiền của bà N.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 500.000.000 đồng tiền vốn và lãi suất phát sinh từ ngày 06/8/2016 ông không đồng ý, bà V chỉ đồng ý trả phần nợ vốn còn lại cho bà N là 350.000.000 đồng và đồng ý trả lãi theo quy định. Còn ông H, bà D, bà T (A), bà P không có vay tiền của bà N nên không đồng ý trả.

Tại bản án sơ thẩm số: 194/2019/DS - ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Buộc bị đơn ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị Cẩm V có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N số tiền tổng cộng là 707.612.500 đồng (bảy trăm lẻ bảy triệu sáu trăm mười hai ngàn năm trăm đồng), trong đó vốn là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), lãi là 207.612.500 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu sáu trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị Cẩm V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bà Nguyễn Thị N trả lại cho ông Bùi Văn H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01586 cấp ngày 02/10/2008 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02466 cấp ngày 07/8/2012 do ông Bùi Văn H đứng tên chủ sử dụng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc các bị đơn ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị Cẩm V, bà Bùi Thị Cẩm P, bà Phạm Thị D và bà Lê Thị T (A) phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ 500.000.000 đồng cùng với lãi suất. Đối với lãi suất bà N yêu cầu như sau: Lãi suất tính từ ngày 06/9/2016 đến ngày 01/7/2017 với mức lãi suất 1,25%/tháng; Từ ngày 01/7/2017 đến ngày 31/10/2019 tính mức lãi suất 1,66%/tháng.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Bùi Văn H, Bùi Thị Cẩm V, Phạm Thị D (Nguyễn Thị D), Lê Thị T (A), Bùi Thị Cẩm P: Ông Trần Lâm S có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, với yêu cầu như sau: Chỉ thừa nhận nợ gốc đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị N số tiền 350.000.000 đồng; Số

tiền 150.000.000 đồng là số tiền nợ lãi, các bị đơn không đồng ý gộp vào vốn để tính lãi suất. Các bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn có trách nhiệm trả nợ gốc 350.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin rút một phần yêu cầu kháng cáo liên quan đến nội dung về lãi suất. Người đại diện ủy quyền của các bị đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng các bị đơn ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị Cẩm V, bà Bùi Thị Cẩm P, bà Phạm Thị D và bà Lê Thị T (A) đã ký tên vào các biên nhận nợ nên phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Bản án sơ thẩm buộc bị đơn ông Bùi Văn H và bà Bùi Thị Cẩm V có trách nhiệm trả nợ, chưa đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc tất cả các bị đơn chịu trách nhiệm liên đới trả nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 194/2019/DS - ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Bùi Văn H, Bùi Thị Cẩm V, Phạm Thị D (Nguyễn Thị D), Lê Thị T (A), Bùi Thị Cẩm P là ông Trần Lâm S có đơn kháng cáo hợp lệ và còn trong thời hạn luật định và đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện hợp pháp của các bị đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào quy định tại khoản

3 Điều 289 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với toàn bộ yêu cầu kháng cáo mà người đại diện hợp pháp của bị đơn đã rút. Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu kháng cáo về lãi suất, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu kháng cáo nguyên đơn đã rút.

[3] Xét kháng cáo

[3.1] Qua nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy tại biên nhận ngày 19/6/2016 (âm lịch) ghi rõ “*Tôi Bùi Thị Cẩm V có nhờ chị N vay dùm số tiền 150.000.000 đồng, thêm 50.000.000 đồng, tổng cộng 200.000.000 đồng*”. Theo như nội dung biên nhận chỉ thể hiện bà V vay tiền của bà N. Do đó, việc bà N kháng cáo cho rằng ông H, bà V, bà P vay là không có cơ sở. Đối với số nợ trên bà N thừa nhận bà V đã trả được 100.000.000 đồng và đóng lãi được 4.700.000 đồng, như vậy số nợ này bà V còn nợ bà N 100.000.000 đồng.

Tại biên nhận ngày 06/8/2016 (âm lịch) thể hiện “*Tôi tên Bùi Văn H có nhờ chị N vay dùm 200.000.000 đồng*”, mặt sau biên nhận có bà Bùi Thị Cẩm V, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị A ký tên. Nhưng nội dung biên nhận chỉ có ông Bùi Văn H đứng tên vay nên bà N yêu cầu bà V, bà D, bà A, bà P cùng có nghĩa vụ trả là không có căn cứ. Ngoài ra bà N trình bày cũng trong ngày 06/8/2016 (âm lịch) bà tiếp tục đưa cho ông H, bà V, bà P, bà D, bà A vay thêm nhiều lần số tiền 40.000.000 đồng, 65.000.000 đồng, 45.000.000 đồng, 50.000.000 đồng, tổng cộng là 200.000.000 đồng có chữ ký của ông H và bà V, bà D, bà A. Phía bị đơn cho rằng số tiền trong biên nhận ghi 40.000.000 đồng, 65.000.000 đồng, 45.000.000 đồng tổng cộng 150.000.000 đồng là tiền lãi của khoảng vay 150.000.000 đồng ngày 19/6/2016 và khoản vay 200.000.000 đồng ngày 06/8/2016 (âm lịch). Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở, bởi vì tại biên nhận ngày 06/8/2016 ông H đã vay 200.000.000 đồng thì không thể phát sinh lãi số tiền 150.000.000 đồng trong ngày như bị đơn trình bày. Bà V thừa nhận có vay thêm 50.000.000 đồng, tổng cộng bà V chỉ vay 350.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cho rằng số tiền 40.000.000 đồng, 65.000.000 đồng, 45.000.000 đồng trong biên nhận ngày 06/8/2016 là tiền lãi nhưng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh. Bà N không thừa nhận lời trình bày của phía bị đơn. Do đó, không có cơ sở xác định số tiền 150.000.000 đồng ghi trong biên nhận ngày 06/8/2016 (âm lịch) là tiền lãi. Như vậy, tổng cộng số tiền nợ vay của ông Bùi Văn H theo biên nhận ngày 06/8/2016 (âm lịch) là 400.000.000 đồng, cộng với 100.000.000

đồng bà V còn nợ theo biên nhận ngày 19/6/2016 (âm lịch). Tổng số tiền ông H, bà V vay của bà N là 500.000.000 đồng.

Mặt khác, ngày 06/8/2016 (âm lịch) ông H, bà V có làm Tờ cam kết với nội D: “gia đình tôi có nhờ cô N vay dùm số tiền của 02 biên nhận là 500.000.000 đồng và thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N...” có chữ ký của ông Bùi Văn H và bà Bùi Thị Cẩm V. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, việc ông H và bà V thừa nhận có nhờ bà N vay số tiền của 02 biên nhận gồm biên nhận ngày 19/6/2016 âm lịch số tiền 100.000.000 đồng và biên nhận ngày 06/8/2016 âm lịch số tiền 400.000.000 đồng, tổng cộng 500.000.000 đồng. Nên ông H bà V có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo tờ cam kết và chịu lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005. Tại phiên tòa đại diện của bị đơn rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về nợ gốc, nợ lãi và trách nhiệm trả nợ.

Do ông H bà V vay tiền của bà N, trước khi Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 tính lãi suất, là đúng theo hướng dẫn tại Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá quy định theo khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố. Tại Quyết định số 2868/QĐ - NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì lãi suất cho vay là 9%/năm tương đương 0,75%/tháng x 150% = 1,125%/tháng.

Ông H, bà V vay ngày 06/8/2016 (âm lịch) nhằm ngày 06/9/2016 (dương lịch). Từ ngày 06/9/2016 (dương lịch) tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/10/2019 là 37 tháng 25 ngày.

Như vậy, tổng số tiền lãi như sau:

$500.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 37 \text{ tháng} = 208.125.000 \text{ đồng (1)}$

$(500.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 25 \text{ ngày}) : 30 \text{ ngày} = 4.687.500 \text{ đồng (2)}$

$(1) + (2) = 212.812.500 \text{ đồng (3)}$

Tổng số nợ các bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là:

$500.000.000 \text{ đồng} + (3) - 5.200.000 \text{ đồng (số tiền lãi phía bị đơn đã trả cho nguyên đơn)} = 707.612.500 \text{ đồng.}$

[3.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N

Bà Nguyễn Thị N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc các bị đơn ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị Cẩm V, bà Bùi Thị Cẩm P, bà Phạm Thị D và bà Lê Thị T (A) phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ 500.000.000 đồng cùng với lãi suất. Như Hội đồng xét xử đã nhận định ở trên khi ký kết hợp đồng vay tiền thì chỉ bà Bùi Thị Cẩm V và bà ông Bùi Văn H trực tiếp đứng ra vay và nhận tiền, còn các đương sự Bùi Thị Cẩm P, bà Phạm Thị D và bà Lê Thị T (A) ký xác nhận việc thế chấp quyền sử dụng đất, vì các đương sự là thành viên trong hộ gia đình của ông Bùi Văn H. Do đó không có cơ sở để buộc các đương sự phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với ông H và bà V. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[4] Đối với việc nguyên đơn và các thành viên trong hộ gia đình của bị đơn ông Bùi Văn H thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01586 cấp ngày 02/10/2008 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02466 cấp ngày 07/8/2012 do ông Bùi Văn H đứng tên chủ sử dụng, không thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự nên không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ. Do đó, bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng nêu trên cho hộ gia đình ông Bùi Văn H.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308; Khoản 3 Điều 289 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 468, 469, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 471, 474, 476, 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Nghị quyết số: 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán – Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần yêu cầu kháng cáo về lãi suất nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đã rút.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm toàn bộ yêu cầu kháng cáo của các bị đơn ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị Cẩm V, bà Bùi Thị Cẩm P, bà Phạm Thị D và bà Lê Thị T (A).

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu buộc các bị đơn ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị Cẩm V, bà Bùi Thị Cẩm P, bà Phạm Thị D và bà Lê Thị T (A) phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà N số tiền gốc và lãi.

Giữ nguyên bản án dân sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, đối với yêu cầu các bị đơn ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị Cẩm V trả nợ gốc 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu buộc các bị đơn gồm ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị Cẩm V, bà Bùi Thị Cẩm P, bà Phạm Thị D và bà Lê Thị T (A) có trách nhiệm liên đới trả nợ.

2. Buộc bị đơn ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị Cẩm V có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N số tiền tổng cộng là 707.612.500 đồng (bảy trăm lẻ bảy triệu sáu trăm mười hai ngàn năm trăm đồng), trong đó vốn là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), lãi là 207.612.500 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu sáu trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị Cẩm V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Buộc bà Nguyễn Thị N trả lại cho ông Bùi Văn H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01586 cấp ngày 02/10/2008 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02466 cấp ngày 07/8/2012 do ông Bùi Văn H đứng tên chủ sử dụng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị Cẩm V phải chịu 32.304.500 đồng (ba mươi hai triệu ba trăm lẻ bốn ngàn năm trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.115.000 đồng (bảy triệu một trăm mười lăm ngàn đồng) theo biên lai số 0017697 ngày 09/11/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà N đã nộp theo biên lai thu số 0000625 ngày 14/11/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã M, tỉnh Hậu Giang được chuyển thành án phí.

Buộc các bị đơn ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị Cẩm V, bà Bùi Thị Cẩm P, bà Phạm Thị D và bà Lê Thị T (A) mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000629 ngày 20/11/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã M, thành án phí cho ông Bùi Văn H. Các bị đơn còn lại mỗi người phải nộp án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 11/6/2020).

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thị xã M;
- Chi cục THADS thị xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phụng